| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ M**<br>**TỈNH T** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày: 13- 4- 2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M-TỈNH T**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân*:*

- Ông **Đỗ Ngọc Bình**.
- Bà **Đinh Tú khoa**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Nhật Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tỉnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/HS- ST, ngày 13/01/2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-HS ngày 16/02/2023 đối với bị cáo:

**1.Huỳnh Ngọc D,** sinh ngày: 09/8/1996, tại tỉnh T; Nơi cư trú: Số 115/7B Nguyễn Huệ, phường 7, thành phố M, tỉnh T; Chỗ ở: Phòng số 4 Nhà trọ số 121/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh T; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn Ngọc và bà Hồ Thị Xuân L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2022, tạm giam ngày 11/10/2022 (có mặt tại phiên tòa).

-*Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Ngọc D*:

Ông Huỳnh Văn Ngọc, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: phường 3, thành phố M, tỉnh T (Số nhà và tên đường bị cáo D và bị cáo L không biết);

-*Người bào chữa cho bị cáo D*: Bà Trần Thị Ngọc Giàu, sinh ngày 22/6/1987

Trợ giáp viên pháp lý: Trung tâm trợ giúp pháp lý – Thuộc Sở tư pháp tỉnh T.

**2.Hồ Thị Xuân L,** sinh ngày: 07/11/1971, tại tỉnh T; Nơi cư trú: Số 115/7B Nguyễn Huệ, phường 7, thành phố M, tỉnh T; Chỗ ở: Phòng số 4 Nhà trọ số 121/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn:4/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Hồ Văn Bảy (chết) và bà Phạm Thị Lượng (chết); Bị cáo sống như

vợ chồng với Nguyễn Văn Năm, 1970; con có 04 người lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2022, tạm giam ngày 11/10/2022 (có mặt tại phiên tòa).

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Huỳnh Ngọc Cẩm T, sinh năm 2005 (Có măt)

Nơi cư trú: Số 115/7B Nguyễn Huệ, phường 7, thành phố M, tỉnh T.

-***Người làm chứng***:

1/Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 ( Có mặt)

Nơi cư trú: Số 41/A 2 ấp 4, xã Trung An, thành phố M, tỉnh T.

2/Ông Hồ Phước L, sinh năm 1965 ( có mặt)

Nơi cư trú: Số Số 710/7 ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ ngày 05/10/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố M, tỉnh T phối hợp cùng Công an phường 6, thành phố M tiến hành kiểm tra phòng số 4, Nhà trọ số 121/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M do Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1996 và Hồ Thị Xuân L, sinh năm 1971, cùng nơi cư trú số 115/7B Nguyễn Huệ, phường 7, thành phố M, tỉnh T đang thuê ở trọ phát hiện bên trong túi quần Jean phía trước bên phải của Huỳnh Ngọc D đang mặc có 01 đoạn ống nhựa màu xanh sọc trắng được hàn kín bên trong có chất bột màu trắng; 02 đoạn ống nhựa màu tím sọc trắng, xanh sọc trắng được hàn kín bên trong có chứa bột màu trắng để trong ống nhựa màu cam trong rổ nhựa màu đỏ ở lối đi và 54 đoạn ống nhựa được hàn kín bên trong có chứa bột màu trắng trong hộp nhựa hình tròn bên dưới tủ sắt trong phòng ngủ của Hồ Thị Xuân L. Qua làm việc Huỳnh ngọc D và Hồ Thị Xuân L khai nhận 57 đoạn ống nhựa trên là ma túy nên lực lượng Công an lập biên bản bắt quả tang theo quy định.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 đoạn ống nhựa màu xanh sọc trắng được hàn kín bên trong có chất bột màu trắng được cho vào bì thư màu trắng niêm phong lại có chữ ký, họ tên Hồ Thị Xuân L, Huỳnh Ngọc D, Phan Vũ Linh, Hồ Phước Lộc và dấu mộc tròn màu đỏ Công an phường 6, thành phố M, tỉnh T (Kí hiệu I);

-02 đoạn ống nhựa màu tím sọc trắng và màu xanh sọc trắng được hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng, được cho vào bì thư trắng niêm phong lại có chữ ký, họ tên Hồ Thị Xuân L, Huỳnh Ngọc D, Phan Vũ Linh, Hồ Phước Lộc và dấu mộc tròn màu đỏ Công an phường 6, thành phố M, tỉnh T (Kí hiệu II);

-54 đoạn ống nhựa được hàn kín bên trong có chứa bột màu trắng bì thư trắng niêm phong lại có chữ ký, họ tên Hồ Thị Xuân L, Huỳnh Ngọc D, Phan Vũ Linh, Hồ Phước Lộc và dấu mộc tròn màu đỏ Công an phường 6, thành phố M, tỉnh T (Kí hiệu III);

-01 rổ nhựa màu đỏ;

-01 ống nhựa màu cam có chữ BOSTON;

-01 hộp nhựa hình tròn màu xanh;

-01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redme, model M2003115SS bên trong có gắn sim số 0825682048.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 107/KL-KTHS ngày 06/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận:

-Gói 1 (ký hiệu I): Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0651 gam, loại Heroin;

-Gói 2 (ký hiệu II): Các mẫu chất bột màu trắng gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,1303 gam, loại Heroin;

-Gói 3 (ký hiệu III): Các mẫu chất bột màu trắng gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 3,4629 gam, loại Heroin;

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSMT ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh T truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc D và Hồ Thị Xuân L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với hai bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc D với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Xuân L mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

Về xử lý vật chứng đề nghị: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy;

+ Số ma túy còn lại sau giám định;

+ 01 rổ nhựa màu đỏ;

+ 01 ống nhựa màu cam có chữ BOSTON;

+ 01 hộp nhựa hình tròn màu xanh;

+ 01 sim số 0825682048.

- Trả lại chị Huỳnh Thị Cẩm T:

01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redme, model M2003115SS

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và Điều luật Cáo trạng truy tố bị cáo D và bị cáo L.

Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo D được hưởng mức án nhẹ do thời điểm phạm tội bị cáo D bị hạn chế năng lực hành vi và khả năng nhận thức. Quá trình điều tra thật thà khai nhận. Đồng thời xem xét miễn án phí cho bị cáo D do bị cáo là người khuyết tật theo quy định tại điểm d Điều 12 ngị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự không có khiếu nại .

[2] Tại phiên toà bị cáo Huỳnh Ngọc D và bị cáo Hồ Thị Xuân L thống nhất khai nhận: Bị cáo D bắt đầu sử dụng ma túy vào năm 2021. Ngày 03/10/2022 một đối tượng tên Tý (không rõ họ tên, địa chỉ) gọi điện thoại thỏa thuận bán cho bị cáo D 60 tép Heroin với giá 3.500.000 đồng bị cáo D đồng ý mua. Khoảng 15 giờ ngày 03/10/2022 bị cáo D xin bị cáo Hồ Thị Xuân L 3.500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng thì được bị cáo L đồng ý và lấy tiền cá nhân đưa cho bị cáo D. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Tý gọi điện thoại cho bị cáo D hẹn gặp ở vòng xoay Trung Lương, thuộc phường 10, thành phố M, tỉnh T để nhận ma túy. Sau khi nhận tiền Tý đưa cho bị cáo D 01 vỏ bao thuốc lá bên trong có chứa 60 tép Heroin. Khi có ma túy bị cáo D đem về nhà sử dụng một mình hết 03 tép. Số ma túy còn lại bị cáo D để 54 tép vào 01 hôp nhựa hình tròn màu xanh trong hộp giấy để bên dưới tủ sắt trong phòng ngủ của bị cáo L và có nói cho bị cáo L biết; 02 tép ma túy bị cáo D để trong ống nhựa màu cam để trong rổ nhựa màu đỏ trên kệ gỗ ở lối đi phòng trọ; còn lại 01 tép ma túy bị cáo D bỏ vào túi quần Jean phía trước bên phải bị cáo D đang mặc đến khi bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật. Với thời gian, phương, nơi cất giấu ma túy, vật chứng thu giữ đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố đối với hai bị cáo.

[3] Lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Bản kết luận giám định số 107/KL-KTHS ngày 06/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận số ma túy bị cáo Huỳnh Ngọc D và bị cáo Hồ Thị Xuân L tàng trữ có tổng khối lượng 3,6223 gam, loại Heroin. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị cáo Huỳnh Ngọc D và bị cáo Hồ Thị Xuân L phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy. Ma túy được xem là tệ nạn xã hội làm lây L các căn bệnh nguy hại đến sức khỏe con người và còn là nguyên nhân

dẫn đến các loại tội phạm khác. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là vi phạm pháp luật nhưng khi được bị cáo D xin tiền mua ma túy về sử dụng bị cáo L không ngăn cản trái lại còn cho tiền bị cáo D mua ma túy. Khi bị cáo D mua ma túy về sử dụng 03 tép số ma túy còn lại bị cáo D cất giấu 01 tép trong quần đang mặc, 02 tép trên kệ gỗ và 54 tép cất giấu dưới tủ sắt trong phòng ngủ của bị cáo L, bị cáo D có nói cho bị cáo L biết. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có bàn bạc phân công cụ thể, bị cáo D giữ vai trò là người trực tiếp mua ma túy về tàng trữ sử dụng, bị cáo L giữ vai trò giúp sức đưa tiền cho bị cáo D mua ma túy và che giấu việc bị cáo D tàng trữ ma túy trong phòng ngủ của bị cáo L. Vì vậy, cần xử lý hai bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần thiết cách ly hai bị cáo với xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục hai bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn dân cư.

[5] Tuy nhiên, xét thấy hai bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; Căn cứ vào kết luận giám pháp pháp y tâm thần số 776/KL-VPYTW thời điểm phạm tội bị cáo D bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo L theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo.

[ 6] Đối với người tên Tý bán ma túy cho bị cáo D, do bị cáo D không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không triệu tập ghi lời khai được, hiện tiếp tục điều tra làm rõ nếu có cơ sở xử lý sau là có căn cứ.

[7] Vật chứng vụ án:

-03 bì thư ký hiệu lần lượt vụ số: 107/1; 107/2; 107/3 ngày 06/10/2022 có các chữ ký và họ tên Nguyễn Thị Kiều Linh, Huỳnh Tấn Liễu, Trần Phúc Thịnh và dấu mộc tròn màu đỏ ghi Phòng kỹ thuật hình sự - Công an T".

-01 rổ nhựa màu đỏ;

-01 ống nhựa màu cam có chữ BOSTON;

-01 hộp nhựa hình tròn màu xanh;

-01 sim số 082568204801 (trên sim có ghi dãy số 10983440926) bị cáo D gắn vào điện thoại di động màu xanh hiệu Redme, model M2003115SS sử dụng cá nhân không có liên lạc mua ma túy. Bị cáo D không có yêu cầu nhận lại.

Là vật chứng vụ án và vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

-01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redme, model M2003115SS là của chị Huỳnh Thị Cẩm T cho bị cáo D mượn để liên lạc nhưng chị Tiên không biết bị cáo D dùng làm phương tiện liên lạc mua ma túy cần trao trả lại cho chị T.

[8] Về án phí:

Bị cáo L phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo D là người khuyết tật được nhận trợ cấp xã hội nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 ngị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên do thời điểm phạm tội bị cáo D hạn chế năng lực hành vi và khả năng nhận thức. Bị cáo L đồng phạm vai trò giúp sức nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo D và bị cáo L được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của đại viện Viên kiểm sát.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc D, Hồ Thị Xuân L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc D** 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thị Xuân L** 01(một) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2022.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều, 46 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 bì thư ký hiệu lần lượt vụ số: 107/1; 107/2; 107/3 ngày 06/10/2022 có các chữ ký và họ tên Nguyễn Thị Kiều Linh, Huỳnh Tấn Liễu, Trần phúc Thịnh và dấu mộc tròn màu đỏ ghi "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN T".

+01 rổ nhựa màu đỏ;

+01 ống nhựa màu cam có chữ BOSTON;

+01 hộp nhựa hình tròn màu xanh;

+01 sim số 082568204801(trên sim có ghi dãy số 10983440926)

-Trả lại chị Huỳnh Thị Cẩm T 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redme, model M2003115SS

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố M, T).

-Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị

quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+Bị cáo Hồ Thị Xuân L phải chịu là 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

+Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Huỳnh Ngọc D

Hai bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***

**NGÔ THANH SƠN**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh T;*
- *VKSND. TP M*;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ hơ CA T;
- *Công anTP M;*
- *Chi cục T.H.A DS. TP M;*
- *Những người tham gia tố tụng.;*
- *Lưu.*